

Overall length	Thread length	Position on basic dia.	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓ_g	Ds	K	ℓ_k

S-NPT

Hand Tap Dành Cho Ren Ống Côn Chuẩn Mỹ, Loại (ℓ_g) Ngắn
(Hand Taps for American Taper Pipe Threads, Short (ℓ_g) Type)

Thông Số Kỹ Thuật



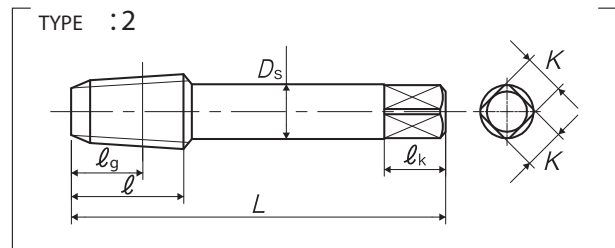
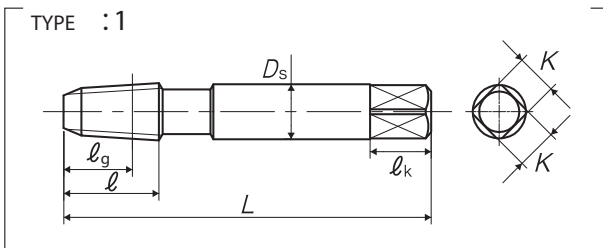
Khuyến nghị tốc độ cắt gọt dựa trên vật liệu gia công

Thép Các Bon Trung Bình
(Medium carbon steels)
中炭素鋼
~5
(m/min)

Thép Các Bon Cao
(High carbon steels)
高炭素鋼
~5
(m/min)

Thép Hợp Kim
(Alloy steels)
合金鋼
~5
(m/min)

- S-NPT là mũi taro kiểu “hand tap” dành cho các ren ống côn chuẩn Mỹ và nó được sử dụng để taro ren ở những nơi cần rút ngắn chiều dài ống nối cho các chi tiết đường ống. Mục đích chính của nó là làm kín của các chi tiết có ren kết nối với các bộ phận đường ống, v.v.



Segment : 1G

Size	Class	Code	Chamfer	Basic major dia (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	ℓ_g (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓ_k (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Ống Chuẩn Mỹ (American Pipe Threads)													
1/16-27 NPT	ANSI G	TSNPT01L	3P	7.770	54	14	10.1	8	6	9	4	1	¥ 4,890
1/8-27 NPT	ANSI G	TSNPT02L	3P	10.117	55	16.5	10.5	8	6	9	4	2	¥ 4,890
1/4-18 NPT	ANSI G	TSNPT04O	3P	13.426	62	19.5	12.5	11	9	12	4	2	¥ 6,930
3/8-18 NPT	ANSI G	TSNPT06O	3P	16.866	65	21	14	14	11	14	4	2	¥ 11,600
1/2-14 NPT	ANSI G	TSNPT08Q	3P	20.980	80	27	17	18	14	17	4	2	¥ 19,100
3/4-14 NPT	ANSI G	TSNPT12Q	3P	26.325	85	29	19	23	17	20	4	2	¥ 31,800
1 -11.5 NPT	ANSI G	TSNPT16T	3P	32.934	95	35	22	26	21	24	5	2	¥ 58,900
1 1/4-11.5 NPT	ANSI G	TSNPT20T	3P	41.689	105	37.5	24.5	32	26	30	5	2	¥ 89,300
1 1/2-11.5 NPT	ANSI G	TSNPT24T	3P	47.760	110	38.5	25.5	38	29	32	6	2	¥ 127,000
2 -11.5 NPT	ANSI G	TSNPT32T	3P	59.797	120	42.5	27.5	46	35	38	6	2	¥ 200,000

Spiral Fluted Taps
(for blind hole) ①

Spiral Fluted Taps
(for through hole) ②

Spiral Pointed Taps
(for through hole) ③

Hand Taps ④

Cemented Carbide Taps ⑤

Roll Taps ⑥

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools ⑦

Pipe Taps ⑧

Thread Mills ⑨

Dies ⑩

Center Drills
Centering Tools ⑪